

TCO HOLDINGS

Số/No.: 52/TCO- CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS**
 - Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCO
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 - Điện thoại/ *Telephone*: 076 806 4686
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/ Mr. Bùi Lê Quốc Bảo
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần TCO Holdings công bố thông tin về báo cáo tài chính riêng quý II năm 2023. Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>.

The TCO Holdings Joint Stock Company discloses information on the separate financial statements for the second quarter of 2023. We have also posted these documents on our website at: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC/ *Financial statements*;
- Giải trình/ *Explanation* .

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE**



Bùi Lê Quốc Bảo

Số: 3007/2024/CV-TCO

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Quý 2 Năm 2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2024 và so với cùng kỳ năm 2023 của Công ty Cổ phần TCO Holdings và các công ty con (“Nhóm Công ty”).

Công ty Cổ phần TCO Holdings (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Lợi nhuận sau thuế	Quý 2 Năm 2024	Quý 2 Năm 2023	Biến động	
			Giá trị	%
Báo cáo tài chính riêng	195.251.814	1.038.258.417	(843.006.603)	-81,2%
Báo cáo tài chính hợp nhất	2.284.401.785	1.027.626.991	1.256.774.794	122,3%

1. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính riêng:

Kết quả kinh doanh quý 2 năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng là 195 triệu. Từ năm 2024 Công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn, tại Công ty mẹ phát sinh các chi phí chủ yếu là chi phí quản lý, chi phí tài chính vay vốn ngân hàng và/hoặc các đối tác để phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Nguồn thu nhập chính của Công ty là từ cổ tức được chia từ các công ty con và các khoản doanh thu tài chính khác.

Quý 2 năm 2023 lợi nhuận của công ty chủ yếu đến từ cổ tức được chia từ các Công ty con sau khi trừ đi các chi phí quản lý vận hành. Lợi nhuận từ hoạt động Logistics không còn phát sinh tại công ty mẹ làm lợi nhuận của Công ty mẹ giảm so với cùng kỳ năm trước.

2. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Kết quả kinh doanh quý 2 năm 2024, Nhóm Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 2,3 tỷ, tăng 1,3 tỷ so với cùng kỳ quý 2 năm 2023. Chi tiết như sau:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 12,3 tỷ; tăng 11,4 tỷ so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu đến từ mảng sản xuất kinh doanh lúa gạo.
- Công ty đã thực hiện đánh giá lại giá trị của tài sản cố định dẫn đến thu nhập từ thanh lý tài sản cố định đã ghi nhận ở quý 1 là 7,3 tỷ được điều chỉnh giảm bằng về 0. Ngoài ra, trong quý 2 cũng phát sinh lỗ 2,5 tỷ từ hoạt động thanh lý tài sản làm tổng lỗ từ thanh lý tài sản ghi nhận trong quý 2 là 9,8 tỷ.

Trân trọng.





TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI LÊ QUỐC BẢO



Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 27

Công ty Cổ phần TCO HOLDINGS

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ tư vấn quản lý, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo - Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

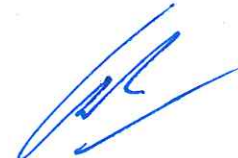
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.983.286.143	3.084.741.849
110	I. Tiền	4	1.798.359.388	742.685.734
111	1. Tiền		1.798.359.388	742.685.734
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.743.666.000	2.089.290.517
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	594.000.000	3.295.400.008
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	237.676.000	13.656.127
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.911.990.000	60.369.939
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	-	(1.280.135.557)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		441.260.755	252.765.598
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	102.285.643	65.335.758
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	11	317.048.737	187.429.840
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	21.926.375	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		414.228.073.498	318.527.743.462
210	I. Khoản phải thu dài hạn		511.342.260	511.342.260
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	511.342.260	511.342.260
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		413.000.000.000	317.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9	413.000.000.000	317.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		716.731.238	1.016.401.202
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	716.731.238	1.016.401.202
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		419.211.359.641	321.612.485.311

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		105.672.934.479	8.357.017.461
310	I. Nợ ngắn hạn		3.016.934.479	8.357.017.461
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	6.325.237	855.248.559
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	13.825.691	1.166.183.171
314	3. Phải trả người lao động		218.842.353	109.112.297
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	-	611.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.298.330.581	4.135.862.817
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	1.479.610.617	1.479.610.617
330	II. Nợ dài hạn		102.656.000.000	-
338	1. Vay dài hạn	15	102.656.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		313.538.425.162	313.255.467.850
410	I. Vốn chủ sở hữu		313.538.425.162	313.255.467.850
411	1. Vốn cổ phần	16	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	16	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	16	2.781.094.734	2.781.094.734
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	93.720.397.328	93.437.440.016
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		93.437.440.016	86.702.898.429
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		282.957.312	6.734.541.587
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		419.211.359.641	321.612.485.311


Nguyễn Việt Ảnh
Người lập


Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng




Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024


Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)


B02-DN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán quý II và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 2/2024	Quý 2/2023	Năm 2024	Năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	270.000.000	8.348.447.768	575.945.500	15.924.321.746
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	480.097.800	6.555.339.069	495.106.300	12.611.934.923
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		(210.097.800)	1.793.108.699	80.839.200	3.312.386.823
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	1.905.648.337	900.241.097	1.906.035.723	3.300.606.600
22	5. Chi phí tài chính - Trong đó: chi phí lãi vay	19	193.382.365 193.382.365	934.964 -	259.133.160 259.133.160	2.397.862 -
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	1.248.674.936	1.688.946.812	1.364.158.190	3.896.620.961
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		253.493.236	1.003.468.020	363.583.573	2.713.974.600
31	8. Thu nhập khác		8.989	300.000.000	294.121	300.000.000
32	9. Chi phí khác		36.761.859	-	37.505.455	-
40	10. Lỗ khác		36.752.870	300.000.000	37.211.334	300.000.000
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		216.740.366	1.303.468.020	326.372.239	3.013.974.600
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	21.488.552	265.209.603	43.414.927	618.710.919
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		195.251.814	1.038.258.417	282.957.312	2.395.263.681


Nguyễn Việt Ánh
Người lập


Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng


Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc



Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		326.372.239	3.013.974.600
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10	-	62.443.452
03	Các khoản dự phòng	5	(1.280.135.557)	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	934.964
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(3.300.567.678)
06	Chi phí lãi vay		259.133.160	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(694.630.158)	(223.214.662)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		452.726.250	(22.821.341.672)
10	Giảm hàng tồn kho		-	130.296.375
11	Giảm các khoản phải trả		(4.343.102.655)	(1.010.845.172)
12	Giảm chi phí trả trước		262.720.079	579.178.811
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.207.170.462)	(663.093.328)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.348.365.695)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(5.529.456.946)	(25.357.385.343)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi hợp tác kinh doanh		-	(104.700.000.000)
24	Tiền thu hồi hợp tác kinh doanh		-	71.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(96.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		-	13.020.567.678
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(96.000.000.000)	(20.579.432.322)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		104.512.000.000	45.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.856.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả		(70.869.400)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		102.585.130.600	45.000.000.000

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.055.673.654	(936.817.665)
60	Tiền đầu kỳ		742.685.734	1.230.952.127
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(934.964)
70	Tiền cuối kỳ	4	1.798.359.388	293.199.498


Nguyễn Việt Ảnh
Người lập


Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ tư vấn quản lý, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 7 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 người).

Cấu trúc Tập đoàn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 5 Công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

a. Các công ty con

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/6/2024	31/12/2023
Các Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	99,957%	99,957%
Công ty Cổ phần TCO Agri	Bán buôn và xuất nhập khẩu gạo	99,951%	99,951%
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Kinh doanh bất động sản	99,974%	99,949%
Các Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các Công ty con trực tiếp			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Xây xát và sản xuất bột thô	99,619%	99,619%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	89,961%	89,961%

b. Đơn vị trực thuộc

- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Chi Nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ báo cáo sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Người sử dụng báo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.8 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ phát triển thị trường

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	-	46.397.199
Tiền gửi ngân hàng	1.798.359.388	696.288.535
TỔNG CỘNG	1.798.359.388	742.685.734

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Thương mại Thủy Sản Nguyễn Chi	-	2.681.260.701
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Green Life	-	190.565.311
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	-	362.721.996
Bên thứ ba khác	-	60.852.000
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	594.000.000	-
TỔNG CỘNG	594.000.000	3.295.400.008
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.280.135.557)
GIÁ TRỊ THUẦN	594.000.000	2.015.264.451

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh	110.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin học Moore AISC	63.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	33.000.000	-
Khác	31.676.000	13.656.127
TỔNG CỘNG	237.676.000	13.656.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	1.911.990.000	60.369.939
Tạm ứng nhân viên	2.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.909.990.000	60.369.939
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	5.000.000	44.990.000
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	1.904.990.000	15.379.939
Dài hạn	511.342.260	511.342.260
Ký quỹ	511.342.260	511.342.260
TỔNG CỘNG	<u>2.423.332.260</u>	<u>571.712.199</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	102.285.643	65.335.758
Khác	102.285.643	65.335.758
Dài hạn	716.731.238	1.016.401.202
Công cụ, dụng cụ	297.561.647	415.345.819
Chi phí cải tạo văn phòng	407.500.344	580.029.711
Khác	11.669.247	21.025.672
TỔNG CỘNG	<u>819.016.881</u>	<u>1.081.736.961</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích & biểu quyết	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích & biểu quyết	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần TCO Logistics (i)	11.667.000	99,957%	116.670.000.000	11.667.000	99,957%	116.670.000.000
Công ty Cổ phần TCO Agri (ii)	10.166.000	99,951%	101.660.000.000	10.166.000	99,951%	101.660.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate (iii)	9.867.000	99,949%	98.670.000.000	9.867.000	99,949%	98.670.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate (góp vốn bổ sung) (iv)	-	-	96.000.000.000	-	-	-
TOTAL			413.000.000.000			317.000.000.000

(i) Công ty Cổ phần TCO Logistics là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0318204301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2023. Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(ii) Công ty Cổ phần TCO Agri là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0318204118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2023. Hoạt động chính của Công ty là bán buôn và xuất nhập khẩu gạo.

(iii) Công ty Cổ phần TCO Real Estate là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0318204291 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2023. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

(iv) Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt góp bổ sung 260.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate, thời hạn dự kiến việc hoàn tất góp vốn bổ sung là trước ngày 31 tháng 7 năm 2024. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp thêm 96.000.000.000 đồng và đến ngày phát hành báo cáo này Công ty đã hoàn tất việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Logistics Tasa Duyên Hải	-	362.721.888
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	200.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	177.265.976
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Vinh Khánh	-	109.512.000
Khác	6.325.237	5.748.695
TỔNG CỘNG	6.325.237	855.248.559

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.141.829.160	43.414.927	1.185.244.087	-
Thuế giá trị gia tăng	460.429	3.306.680	3.767.109	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.893.582	90.943.545	101.011.436	13.825.691
Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.166.183.171	142.665.152	1.295.022.632	13.825.691
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	187.429.840	189.040.393	59.421.496	317.048.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	21.926.375	21.926.375
TỔNG CỘNG	187.429.840	189.040.393	81.347.871	338.975.112

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí kiểm toán	-	310.000.000
Khác	-	301.000.000
	-	611.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ tức phải trả	573.656.500	644.525.900
Các khoản phải trả khác	724.674.081	3.491.336.917
TỔNG CỘNG	<u>1.298.330.581</u>	<u>4.135.862.817</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	528.829.468	3.488.662.327
- Phải trả các bên khác	769.501.113	647.200.490

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để chi trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	1.479.610.617	941.374.075
Trích lập	-	1.331.498.542
Sử dụng quỹ	-	(460.700.000)
Số cuối kỳ	<u>1.479.610.617</u>	<u>1.812.172.617</u>

15. VAY DÀI HẠN

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Châu Văn Lương	-	56.000.000.000	-	56.000.000.000
Trần Thanh Vũ	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Liêm Chánh Thái	-	3.906.000.000	-	3.906.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An (Thuyết minh số 23)	-	4.606.000.000	1.856.000.000	2.750.000.000
TỔNG CỘNG	-	<u>104.512.000.000</u>	<u>1.856.000.000</u>	<u>102.656.000.000</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.110.000.000	29.926.933.100	-	1.893.429.039	-	89.809.728.361	308.740.090.500
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.395.263.681	2.395.263.681
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	887.665.695	887.665.695	(3.106.829.932)	(1.331.498.542)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(887.665.695)	-	(887.665.695)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	-	2.781.094.734	-	89.098.162.110	308.916.189.944
Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	-	2.781.094.734	-	93.437.440.016	313.255.467.850
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	282.957.312	282.957.312
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	187.110.000.000	29.926.933.100	-	2.781.094.734	-	93.720.397.328	313.538.425.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	<u>187.110.000.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố	-	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	70.869.400	-

16.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu dịch vụ bãi		15.320.505.412
Doanh thu vận tải	-	553.816.334
Doanh thu khác	575.945.500	50.000.000
DOANH THU THUẦN	<u>575.945.500</u>	<u>15.924.321.746</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	35.945.000	15.894.321.746
Doanh thu đối với các công ty con	540.000.000	30.000.000

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ tức	1.904.990.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư	-	3.300.000.000
Lãi tiền gửi	588.157	567.678
Khác	457.566	38.922
TỔNG CỘNG	<u>1.906.035.723</u>	<u>3.300.606.600</u>

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn dịch vụ bãi	-	12.155.552.178
Giá vốn vận tải	-	456.382.745
Giá vốn khác	495.106.300	-
TỔNG CỘNG	<u>495.106.300</u>	<u>12.611.934.923</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí lãi vay	259.133.160	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.847.565
Khác	-	550.297
TỔNG CỘNG	<u>259.133.160</u>	<u>2.397.862</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí nhân viên	1.290.430.606	2.275.682.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	843.579.312	1.558.495.080
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.280.135.557)	-
Khấu hao	-	62.443.452
Khác	510.283.829	-
TỔNG CỘNG	<u>1.364.158.190</u>	<u>3.896.620.961</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.338.685.612	10.572.498.471
Chi phí nhân viên	1.290.430.606	4.647.203.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	62.443.452
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.280.135.557)	-
Khác	510.283.829	1.226.410.532
TỔNG CỘNG	<u>1.859.264.490</u>	<u>16.508.555.884</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	618.710.919
Truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	43.414.927	-
TỔNG CỘNG	<u>43.414.927</u>	<u>618.710.919</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>326.372.239</u>	<u>3.013.974.600</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	65.274.448	602.794.920
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Doanh thu không tính thuế	(65.274.448)	-
Chi phí không được trừ	-	15.915.999
Truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	43.414.927	-
Chi phí thuế TNDN	<u>43.414.927</u>	<u>618.710.919</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty cổ phần Hiên Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Đầu tư Hoa Thiên Lý	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con	Cho thuê văn phòng	180.000.000	-
		Cổ tức	493.350.000	-
		Góp vốn	96.000.000.000	-
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con	Cho thuê văn phòng	180.000.000	-
		Cổ tức	700.020.000	-
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con	Cho thuê văn phòng	180.000.000	-
		Cổ tức	711.620.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp	Vay dài hạn	4.606.000.000	-
		Trả nợ vay	1.856.000.000	-
		Lãi vay	157.604.547	-
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Trả tiền	3.127.158.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con	Cho thuê văn phòng	198.000.000	-
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con	Cho thuê văn phòng	198.000.000	-
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con	Cho thuê văn phòng	198.000.000	-
			594.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con	Cổ tức	493.350.000	-
		Tạm ứng	-	10.000.000
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con	Cổ tức	711.620.000	-
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con	Cổ tức	700.020.000	-
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.000.000	5.379.939
			1.906.990.000	15.379.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	361.504.327	3.488.662.327
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Chi phí phải trả	9.720.594	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp	Lãi vay	157.604.547	-
			528.829.468	3.488.662.327
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp	Vay	2.750.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao và tiền lương	
		Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	382.875.789	-
Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	18.000.000	-
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	215.742.020	-
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	42.500.000	92.584.000
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	109.966.264	-
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	364.004.883	-
TỔNG CỘNG		1.133.088.955	92.584.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Dưới 1 năm	1.904.034.400	3.074.008.000
Trên 1-5 năm	6.198.088.000	-
TỔNG CỘNG	8.102.122.400	3.074.008.000

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty.



Nguyễn Việt Ảnh
Người lập



Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2024